

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 22 - 4 - 2022.

“V/v: *Kiên ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà H’Rum Niê;
2. Bà Cù Thị Lan.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Văn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 03/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/02/2022, về việc: “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐST-DS ngày 04/4/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị H – sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Vũ Duy Q (BUI Q VU DUY) – sinh năm 1993.

Địa chỉ: WA 98272 United States (USA), vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thị H trình bày có nội dung như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị H và ông Bùi Vũ Duy Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 12 tháng 02 năm 2018. Sau khi kết hôn khoảng hai tháng thì ông Q quay về Mỹ sinh sống, làm việc cho đến nay, do không thể sống chung với nhau, không quan tâm chăm sóc được cho nhau nên tình cảm đến nay không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Bùi Vũ Duy Q.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình chung sống giữa bà Đỗ Thị Hòa và ông Bùi Vũ Duy Q không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

****/ Tại bản tự khai và đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn ông Bùi Vũ Duy Q (BUI Q VU DUY) trình bày có nội dung như sau:***

Ông Bùi Vũ Duy Q đã nhận được thông báo Thụ lý đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết cho bà H được ly hôn với ông, theo đó về quan hệ hôn nhân tôi Bùi Vũ Duy Q và bà Đỗ Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 12/02/2018. Sau khi kết hôn ông Q trở lại Hoa Kỳ còn bà H thì ở lại Việt Nam. Từ ngày đăng ký kết hôn đến nay ông chưa trở về Việt Nam, mỗi người sống một nơi nên đến nay cũng không còn tình cảm, yêu thương nhau nữa. Do đó ông đồng ý ly hôn với bà Đỗ Thị H.

Ông Q đồng ý để Tòa án tổng đạt tất cả các văn bản cho ông Q qua hộp thư điện tử cũng như vì điều kiện xa cách nên ông đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và tiến hành xét xử vắng mặt ông

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông Q xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung hay khoản nợ chung nào, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến xác định: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung: Nguyên đơn bà Đỗ Thị H khởi kiện xin ly hôn, đối với Ông Bùi Vũ Duy Q đã có văn bản trình bày ý kiến và đồng ý ly hôn. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị H và tuyên bà Đỗ Thị H được ly hôn với ông Bùi Vũ Duy Q; bà H và ông Q không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên theo quy định tại khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đối với bị đơn ông Bùi Vũ Duy Q hiện đang sinh sống và làm việc tại Hoa Kỳ, ông Q đã có đơn trình bày ý kiến và đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Bà Đỗ Thị H và bà ông Bùi Vũ Duy Q là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 12/02/2018, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, ông Q trở lại Hoa Kỳ sinh sống và làm việc từ đó đến nay chưa về Việt Nam, do thời gian xa cách đã lâu, vợ chồng không sống chung với nhau và không có sự quan tâm chăm sóc nhau, nên không còn tình cảm yêu thương nhau và không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, nên bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Vũ Duy Q; đối với ông Bùi Vũ Duy Q đã có văn bản đồng ý ly hôn với bà Đỗ Thị H.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay bà Đỗ Thị H hiện sinh sống ở Việt Nam còn ông Bùi Vũ Duy Q thì đang sinh sống, làm việc ở nước ngoài, vợ chồng không sống chung với nhau từ khi đăng ký kết hôn đến nay nên không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được, bị đơn ông Q cũng đồng ý ly hôn với bà H. Do đó, cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị H, giải quyết cho bà Đỗ Thị H được ly hôn với ông Bùi Vũ Duy Q, là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Giữa bà Đỗ Thị H và ông Bùi Vũ Duy Q không có con chung, không có tài sản chung nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Đỗ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 470, Điều 474, Điều 475, Điều 476, Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 13 Luật Tương trợ tư pháp; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của nguyên đơn bà Đỗ Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị H được ly hôn với ông Bùi Vũ Duy Q (BUI Q VU DUY).

2. Về con chung, tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng bà Đỗ Thị H đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0017158 ngày 26/01/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Đỗ Thị H được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Bùi Vũ Duy Q được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- UBND huyện Cư M'gar;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đình Triết